TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số: 21/2020/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2020
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng***: Ông **Đoàn Ngọc Thanh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 08-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2020/QĐ-PT ngày 05 - 02 -2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn G; địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị B; địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E (văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 02/01/2020), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện E: Ông Hà Hoàng Q, chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E (văn bản ủy quyền số 15/UNMD-VP ngày 06/01/2020), vắng mặt.

- Ông Đoàn Văn L, bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn G; địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2020), có mặt;

- Ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D; địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị B; địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2020), có mặt.

Người kháng cáo: Lê Văn G, Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn G và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông G trình bày:

Vào ngày 31/10/2004, ông G có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Phạm Thị B diện tích đất 139,92m^2 để làm đường đi vào đất rẫy của ông G (có chiều rộng 2,5m, chiều dài từ đường lớn tới đất rẫy của ông G gần 60m; vị trí con đường: Phía Đông giáp đất ông L; phía Tây giáp đất ông T, bà D; phía Nam giáp đường lớn; phía Bắc giáp đất của ông). Giá chuyển nhượng là 2.800.000 đồng, ông G đã trả tiền cho bà B. Sau đó, ông G tiến hành trồng 01 hàng cây sống để phân chia ranh giới và sử dụng từ đó đến nay, không có tranh chấp với ai. Năm 2007, bà B chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà D diện tích đất 2.812m^2 (đất ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – sau này được viết tắt là GCNQSDĐ). Do trong quá trình kê khai tách thửa giữa đất bà B với đất ông T; bà B không khai diện tích đất ông G đã nhận chuyển nhượng, nên Ủy ban nhân dân (sau này được viết tắt là UBND) huyện E đã tách thửa và cấp GCNQSDĐ số AK 479482 ngày 12/11/2007 diện tích 1001m^2 cho bà B, trong đó có cả diện tích đất của ông G đã nhận chuyển nhượng của bà B trước đó. Nhưng đường thì ông G vẫn sử dụng lâu nay, ông T, ông L là những người giáp ranh không ý kiến gì. Tới năm 2013, bà B yêu cầu ông G di chuyển con đường xuống phần đất của ông L; ông G không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Hơn nữa, thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên không đúng, vì ông G không ký giáp ranh mà ai đó đã giả mạo chữ ký của ông G trong hồ sơ (có kết luận giám định của Công an tỉnh Đắk Lắk).

Ông G đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết những vấn đề như sau:

+ Buộc bà Phạm Thị B phải trả lại phần đất làm lối đi theo đúng giấy chuyển nhượng và diện tích, vị trí ông G đang sử dụng như đã trình bày ở trên;

+ Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17 tháng 9 năm 2018 ông Lê Văn G có đơn khởi kiện bổ sung: Đề nghị Tòa án thu hồi và hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện E

đã cấp cho bà Phạm Thị B số AK479482 cấp ngày 12/11/2007, thửa số 224, tờ bản đồ số 2 diện tích 1001m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế.

2. Bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Ngày 31/10/2014, tôi có chuyển nhượng cho ông G quyền sử dụng đất diện tích, vị trí, mục đích sử dụng, giá chuyển nhượng như ông G trình bày là đúng thực tế. Sau đó, tôi có chỉ phần đất cho ông G làm đường nhưng ông G làm đường đi sai phần đất vợ chồng tôi đã chỉ; nên đã lấn sang phần đất của ông T khoảng 01m. Sau đó, tôi có nhắc nhở ông G dời lại đường đi cho đúng thì ông G không chịu. Năm 2005, ông G đi không đúng phần đất chuyển nhượng nên xảy ra tranh chấp và UBND xã E đã hòa giải; ông G hứa sửa lại đường đi, do tình làng nghĩa xóm nên tôi chấp nhận. Sau đó, tôi đi làm ăn xa không thường xuyên tới thửa đất của tôi. Đến tháng 7/2013, tôi về thì phát hiện ông G làm con đường đi không đúng phần đất mà tôi đã chuyển nhượng cho ông G và thấy ông G đã trồng chuối lên phần đất mà tôi chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà D; nên tôi đã khiếu nại lên UBND xã E. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông G thì tôi chấp nhận trả lại con đường cho ông G theo đúng vị trí thỏa thuận ban đầu.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Văn L, bà Nguyễn Thị V:

Năm 1999, vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng của bà B 500m^2 đất có chiều rộng 10m mặt đường tính từ vị trí cách mô cầu 02m; kéo dài lên 10m ngang, dài 50m. Khi nhận chuyển nhượng, 02 bên có giấy viết tay (Giấy sang nhượng lô thổ cư) với giá 2.000.000 đồng có sự xác nhận của buôn trưởng buôn K, địa chính và UBND xã E (hiện tôi chưa được cấp GCNQSDĐ). Năm 2004, ông G tới nhận chuyển nhượng của bà B phần đất làm con đường rộng 2,5m giáp ranh đất của tôi để làm đường và sử dụng ổn định, tôi không có tranh chấp gì với ông G. Về yêu cầu khởi kiện của ông G, tôi hoàn toàn nhất trí và không ý kiến gì.

- Ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D trình bày:

Vào năm 2007, vợ chồng ông T có nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị B 2.812m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tới ngày 12/11/2007 đã được cấp GCNQSDĐ, có số thửa 223, tờ bản đồ số 02. Thời điểm đó, con đường đi vào rẫy ông G nằm giáp cạnh phía Đông thửa đất của vợ chồng ông T; tuy nhiên, chưa có hàng rào phân cách rõ ràng. Qua quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông T ít khi lui tới do cho người khác mượn đất để sản xuất và ở. Sau này, bà B và ông G có tranh chấp thì vợ chồng ông T mới biết. Về yêu cầu khởi kiện của ông G, vợ chồng ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của vợ chồng ông T, vì vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện E trình bày:

Qua xem xét hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E cung cấp, nhận thấy:

Trên cơ sở đơn xin cấp lại, cấp đổi của bà Phạm Thị B đối với GCNQSDĐ số P050520 cấp ngày 07/3/2000 cho Bùi Văn L (chồng cũ của bà B) và giấy tờ ly hôn giữa ông L và bà B. UBND huyện đã cấp đổi lại cho bà B 02 GCNQSDĐ số AK479482, thửa đất số 225, tờ bản đồ số 2, diện tích 1001m^2 và GCNQSDĐ số AK 479481 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 1782,0m^2; cùng địa chỉ buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn G: Về diện tích đất tại thời điểm cấp đổi GCNQSDĐ số P050520 sang GCNQSĐ số AK479482 và AK279481 cho bà B là trùng khớp nhau; vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Điều 106, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai. Khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G.

- Ông Lê Văn G được quyền sử dụng phần diện tích đất để làm con đường có diện tích và tứ cận như sau:

Cạnh phía Đông thẳng dài 55,82 mét từ đường liên xã đến phần đất rẫy của ông G cách điểm mô cầu 8,13m (điểm tiếp giáp với đường liên xã là điểm 15 trên Bản vẽ hiện trạng vị trí các thửa đất so với bản đồ đo vẽ năm 2009 của đơn vị đo đạc);

Cạnh phía Tây song song và cách cạch phía Đông 2,5 mét, thẳng dài 56,11 mét từ đường liên xã đến phần đất rẫy của ông G giáp cạnh phía Đông thửa đất của ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D;

Cạnh phía Nam giáp đường liên xã rộng 2,5m;

Cạnh phía Bắc giáp rẫy ông G rộng 2,5m.

Tổng diện tích con đường ông G được sử dụng là 139,92m^2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK479482 cấp ngày 12/11/2007 cho bà Phạm Thị B đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2 diện tích 1001m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện E cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2019 và ngày 23/9/2019, nguyên đơn ông Lê Văn G và bị đơn bà Phạm Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Văn G và bà Phạm Thị B trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Ông G trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết đúng con đường tôi nhận chuyển nhượng của bà B. Vì sau khi tôi nhận chuyển nhượng đã mở đường đi và sử dụng đúng vị trí cho đến năm 2013 phát hiện bà B tranh chấp, nên tôi đã khiếu nại đến UBND xã. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà B và trả lại diện tích đường đi cho tôi.

Bà B trình bày: Tôi thừa nhận có chuyển nhượng cho ông G con đường đi chiều rộng 2,5m, với chiều dài từ rẫy ông G đến đường lớn. Đề nghị Tòa án giải quyết ông G sử dụng đúng vị trí, diện tích đường đi theo giấy chuyển nhượng. Việc ông G đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đúng pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Lê Văn G và bị đơn bà Phạm Thị B là trong thời hạn luật định.

- *Về nội dung vụ án*:

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử, quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G là đúng pháp luật. Đối với diện tích 48,4m^2 ông G yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Văn G và bà Phạm Thị B không cung cấp thêm chứng cứ mới. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn G và của bà Phạm Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xét kháng cáo của ông Lê Văn G và của bà Phạm Thị B:*

Ngày 31/10/2004, bà Phạm Thị B chuyển nhượng cho ông Lê Văn G diện tích một con đường có chiều rộng 2,5m, chiều dài từ đường lớn tới rẫy ông G, cách suối khoảng 8-10m. Qúa trình giải quyết vụ án, bà B và ông G đều thống nhất nội dung

về việc nhượng đường đi giữa hai bên là đúng. Sau khi ông G nhận chuyển nhượng, ông đã mở lối đi và trồng cây làm ranh giới hai bên đường đi và sử dụng ổn định cho đến nay. Đất hai bên giáp đường đi của ông G, bà Phạm Thị B đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn L 500m^2 vào năm 1999 và chuyển nhượng cho ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D 2.812m^2 vào năm 2007 (ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Theo kết quả đo vẽ của Công ty trắc địa xác định diện tích đất ông G hiện đang sử dụng làm đường đi như sau: Phía Đông của con đường cách phần mô cầu (điểm tiếp giáp giữa phần bê tông cầu và phần đất) là 8,13m, có chiều rộng 2,92m, chiều dài là đường gấp khúc (cạnh phía Tây con đường dài 39,25m + 17,93m; cạnh phía Đông con đường dài 40,67m + 15,99m). Vị trí con đường ông G đang sử dụng phù hợp với bản đồ đo vẽ năm 2009, tờ bản đồ số 17; phù hợp với giấy nhượng đường là cách suối khoảng 8 – 10m. Tuy nhiên, theo giấy nhượng đường ngày 31/10/2004 giữa bà Phạm Thị B với ông Lê Văn G có chiều rộng của đường là 2,5m; còn chiều rộng của đường hiện tại ông G đang sử dụng là 2,92m. Như vậy, chiều rộng của đường đi hiện nay ông G đang sử dụng lớn hơn chiều rộng của đường đi ông đã nhận chuyển nhượng của bà B. Cụ thể, tổng diện tích con đường đi hiện nay ông G đang sử dụng là 188,3m^2; còn tổng diện tích con đường đi ông G nhận chuyển nhượng của bà B là 139,9m^2. Diện tích đất dư là 48,4m^2. Ngoài ra, tại giấy nhượng đường đi thể hiện chiều dài từ đường lớn tới rẫy ông Lê Văn G được hiểu là một đường thẳng không gấp khúc. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, cả hai ông L, T đều không có ý kiến gì tranh chấp với ông G về diện tích đất đường đi mà ông G nhận chuyển nhượng của bà B và đang sử dụng; cũng như, sau khi xét xử sơ thẩm cả hai ông đều không kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xác định con đường đi ông Lê Văn G đang sử dụng là con đường mà ông Lê Văn G nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị B theo giấy nhượng đường ngày 31/10/2004 là có căn cứ. Đồng thời, là một con đường thẳng có chiều rộng 2,5m, chiều dài từ đường lớn liên xã đến phần đất rẫy của ông giờ và cách điểm mô cầu 8,13m là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK479482 cấp ngày 12/11/2007 cho bà Phạm Thị B đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2 diện tích 1001m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại biên bản đo đạc thực tế ngày 09/10/2007, đối với diện tích đất của bà Phạm Thị B do Ủy ban nhân dân xã E đo đạc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B; phần ký xác nhận của chủ đất liền kề Lê Văn G có thể hiện chữ ký "G". Tuy nhiên, tại T báo số 82/TB-CQĐT ngày 22/02/2018 của Công an tỉnh Đắk Lắk về kết luận giám định thì chữ ký "G" không phải do ông G ký và viết ra. Ngoài ra, đối với phần diện tích đất bà B chuyển nhượng cho ông giờ làm đường đi vào ngày 31/10/2004, bà B không trừ ra khi làm

thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK479482 cấp ngày 12/11/2007 cho bà Phạm Thị B bao gồm cả diện tích mà bà B đã chuyển nhượng cho ông G làm đường đi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK479482 cấp ngày 12/11/2007 cho bà Phạm Thị B đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2 diện tích 1001m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện E cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của bà B cho rằng Tòa án sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với 48,4m2 là phần diện tích đất đường đi dư. Đối với phần diện tích này, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thì cả ông Đoàn Văn L và ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D là những hộ liền kề hai bên đường đi của ông G không có ý kiến gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L, ông T, bà D không kháng cáo. Đồng thời, theo kết quả đo vẽ của Công ty trắc địa thì diện tích 48,4m^2 này có một phần diện tích nằm trong phần đất của ông L, có một phần diện tích nằm trong phần đất của ông T, bà D. Do đó, các đương sự khởi kiện vụ án khác đối với diện tích này khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Văn G, bà Phạm Thị B không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn G và của bà Phạm Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn G, bà Phạm Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn G và của bà Phạm Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Điều 106, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai. Khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G.

- Ông Lê Văn G được quyền sử dụng phần diện tích đất để làm con đường có diện tích và tứ cận như sau:

Cạnh phía Đông thẳng dài 55,82 mét từ đường liên xã đến phần đất rẫy của

ông G cách điểm mô cầu 8,13m (điểm tiếp giáp với đường liên xã là điểm 15 trên Bản vẽ hiện trạng vị trí các thửa đất so với bản đồ đo vẽ năm 2009 của đơn vị đo đạc);

Cạnh phía Tây song song và cách cạch phía Đông 2,5 mét, thẳng dài 56,11 mét từ đường liên xã đến phần đất rẫy của ông G giáp cạnh phía Đông thửa đất của ông Mai Văn T, bà Phạm Thị D;

Cạnh phía Nam giáp đường liên xã rộng 2,5m;

Cạnh phía Bắc giáp rẫy ông G rộng 2,5m.

Tổng diện tích con đường ông G được sử dụng là 139,92m^2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK479482 cấp ngày 12/11/2007 cho bà Phạm Thị B đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 2 diện tích 1001m^2 tại buôn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện E cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn G và bà Phạm Thị B mỗi người phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0004066 ngày 19/9/2019 và số AA/2019/0004068 ngày 23/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (ông G, bà B đã nộp đủ).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Kim Nhân **Nguyễn Xuân Điền** **Trần Quốc Cường**